

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2017/HS-ST
Ngày: 21/7/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thập;

2/ Ông Nguyễn Văn Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Rô Lan Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố KonTum, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/TLST-HS, ngày 25/5/2017 đối với bị cáo:

A V, sinh năm 1993, tại tỉnh Kon Tum; trú tại: Thôn P, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Rơ Ngao; con ông A T, sinh năm 1970 và bà Y I, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/02/2017; đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Thái Ngọc T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn N, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh A T, sinh năm 1970; trú tại: Thôn P, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum; có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 30/01/2017, A V điều khiển xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) mượn của A M(không rõ nhân thân, lai lịch) chở theo phía sau là A O (Sinh năm 1993, trú tại: Thôn P, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum) đi trên đường theo hướng từ xã Đ, thành phố K đến xã Ia C, thành phố K. Khi A V điều khiển xe mô tô đến ngã ba đường liên thôn thuộc thôn P, xã Đ, thành phố K thì phát hiện anh Thái Ngọc T đang dừng xe bên lề đường nói chuyện điện thoại nên A V điều khiển xe mô tô lạng lách về phía anh T để trêu chọc anh T. Thấy A V điều khiển xe lạng lách vào mình nên anh T điều khiển xe mô tô đuổi theo. Khi đuổi theo kịp thì A V dừng xe lại, anh T xuống xe nhắc nhở A V và A O về việc chạy xe. Bực tức vì bị anh T nhắc nhở nên A V đã xuống xe, lấy 01 (một) con dao Thái Lan dài khoảng 30cm đem theo để trên ba ga xe mô tô do mình điều khiển đâm vào người anh T một nhát. Bị đâm nên anh T vứt xe mô tô lại bỏ chạy thì A V đuổi theo đâm tiếp một nhát vào người anh T. Thấy vậy, A O bỏ chạy. Sau khi đâm anh T xong thì A V vứt con dao đã dùng để đâm anh T vào rẫy cà phê nhà ông A C (Sinh năm 1965, trú tại: Thôn P, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum) và lên xe mô tô bỏ trốn. Anh T sau khi bị A V đâm gây thương tích thì chạy vào nhà ông A C và được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum. Đến đêm ngày 02/02/2017, A V gọi điện cho ông A T (là cha của A V) để thú nhận, nói ông A T đến bệnh viện để thăm hỏi, chạy chữa cho anh T. Ngày 09/02/2017, A V đến Công an thành phố Kon Tum đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 13/TgT-TTPY ngày 10/02/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum có kết luận tỷ lệ phần trăm thương tật của anh Thái Ngọc T là 17% (Mười bảy phần trăm).

Tại Bản cáo trạng số 41/KSĐT-TA ngày 25/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo A V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; vận dụng khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo A V từ 24 đến 30 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, gia đình bị cáo A V là ông A T đã bồi thường cho người bị hại Thái Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo A V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 30/01/2017, mặc dù giữa bị cáo và anh Thái Ngọc T không có mâu thuẫn hay tư thù từ trước, nguyên nhân xuất phát từ chuyện anh T nhắc nhở bị cáo về việc chạy xe, chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhặt như vậy mà trong lúc bực tức, bị cáo đã dùng một con dao Thái Lan dài khoảng

30cm là “hung khí nguy hiểm” đâm vào người anh T một nhát. Khi anh Thắng hoảng sợ bỏ chạy thì bị cáo lại tiếp tục đuổi theo. Khi đuổi kịp thì bị cáo đâm một nhát nữa vào người anh T. Hậu quả là gây thương tích cho anh T với tỷ lệ thương tật là 17% (Mười bảy phần trăm).

Hành vi đó của bị cáo A V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Cáo trạng số 41/KSĐT-TA ngày 25/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A V là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, tội danh “Cố ý gây thương tích” với cùng các tình tiết định khung hình phạt nhưng quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt (từ 02 năm đến 05 năm) thấp hơn so với khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (từ 02 năm đến 07 năm). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt cho bị cáo để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo A V là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa bàn thành phố Kon Tum. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi và tội lỗi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, biết tôn trọng pháp luật.

Tuy nhiên cũng cần xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã đến Công an thành phố Kon Tum

đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nhằm khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra; người bị hại cũng có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực học tập, cải tạo.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại Thái Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tại phiên tòa, người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu bị cáo trả lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 con dao Thái Lan dài khoảng 30 cm, sau khi gây án bị cáo đã vứt vào rẫy cà phê của ông A C thuộc thôn P, xã Đ, thành phố K, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô (không rõ biển số) bị cáo trình bày là mượn của anh A M (không rõ nhân thân), sau khi phạm tội và trước khi đầu thú bị cáo đã trả lại cho A M. Cơ quan điều tra không thu hồi, không coi là phương tiện dùng vào việc phạm tội, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập.

Về án phí: Bị cáo A V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo A V phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo A V 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/02/2017).

Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Buộc bị cáo A V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/7/2017) bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND thành phố K;
- Công an thành phố K;
- Chi cục THA DS thành phố K;
- Bị cáo và đương sự khác;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

